



**BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

CÔNG TY KIỂM TOÁN - TƯ VẤN ĐỊNH GIÁ ACC_VIETNAM

AUDITING - VALUATION CONSULTING ACC_VIETNAM COMPANY

Trụ sở chính: 11/24 Đào Tấn - Ba Đình - Hà Nội
VP giao dịch: P402 - D11 Sunrise Building
Đường Trần Thái Tông - Cầu Giấy - Hà Nội
Tel: (84-4) 3795 0839 * Fax: (84-4) 3795 0838

VP tại TP. Hồ Chí Minh
156/7F Đường Tô Hiến Thành
Phường 15 - Quận 10 - TP. Hồ Chí Minh
Tel: 08.38625324

VP tại Bắc Miền Trung:
Số 88 Đường Kim Đồng - P. Hưng Bình
TP. Vinh - Tỉnh Nghệ An
Tel: 0383.3610388

VP tại Hải Phòng:
Số 3 Tòa nhà Thành Đạt - Lê Thành Tông
VP tại Hà Nội:
1056 La Thành - Ngọc Khánh - Ba Đình

Website: http://www.acc_vietnam.com

MỤC LỤC

Trang

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

Khái quát chung

Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được chuyển đổi hình thức sở hữu vốn từ doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Nhựa Việt Nam, (số Đăng ký kinh doanh 4106000201 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/06/2006) theo Quyết định số 2575/QĐ-BCN ngày 26 tháng 7 năm 2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Nhựa Việt Nam thành Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam và Quyết định số 4824/QĐ-BCT ngày 4 tháng 9 năm 2008 của Bộ Công thương sửa đổi khoản 1 Điều 1 Quyết định số 2575/QĐ-BCN.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 41003011383 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 9 năm 2008. Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 08 tháng 9 năm 2010 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số doanh nghiệp 0300381966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp.

Tên Công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM
Tên giao dịch của công ty:	VIETNAM PLASTIC CORPORATION
Tên viết tắt:	VINAPLAST
Trụ sở chính tại:	Số 300B Nguyễn Tất Thành, Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh
Vốn điều lệ:	198.000.000.000 VND (Một trăm chín mươi tám tỷ đồng chẵn)

Hoạt động kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300381966 đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 08 tháng 9 năm 2010, Công ty hoạt động trong các lĩnh vực sau:

- Sản xuất, mua bán các sản phẩm từ nhựa, gỗ, giấy phục vụ cho các ngành công, nông, ngư nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, bưu chính viễn thông, thiết bị giáo dục, văn hoá phẩm (không mua bán băng đĩa nhạc, hình và sản xuất tại trụ sở Công ty);
- Chế tạo khuôn mẫu, thiết bị và phụ tùng ngành nhựa;
- In ấn trên bao bì nhựa, gỗ, giấy (không hoạt động tại trụ sở);
- Tái chế phế liệu nhựa, gỗ (không hoạt động tại trụ sở);
- Mua bán các loại nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, vật tư ngành công, nông, ngư nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, bưu chính viễn thông, thiết bị giáo dục, văn hóa phẩm;
- Đại lý ký gửi hàng hóa;
- Tổ chức hội chợ, triển lãm, kinh doanh dịch vụ quảng cáo, cho thuê bãi đậu xe;
- Kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp;
- Dịch vụ tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán), nghiên cứu đào tạo, chuyển giao công nghệ mới;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại./.

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 và đến ngày lập Báo cáo tài chính bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Khắc Long	Chủ tịch
Ông Lê Hoàng	Thành viên
Ông Đào Duy Kha	Thành viên
Bà Cấn Thị Thu Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Nhựt	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Khắc Long
Ông Lê Hoàng
Ông Đào Duy Kha

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Cao Minh Tâm
Ông Nguyễn Văn Thơm
Bà Lê Thị Kim Phượng

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Định giá ACC_Việt Nam.

Kết quả hoạt động

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 với lợi nhuận kế toán trước thuế là 9.803.066.248 VND được trình bày trong Báo cáo tài chính từ trang 06 đến trang 31 kèm theo.

Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện bất thường nào khác xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012 và Công ty tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh trong các năm tiếp theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2012 cũng như Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chế độ kế toán hiện hành;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán, ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ theo các quy định hiện hành của Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty, vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



Nguyễn Khắc Long
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2013



CÔNG TY KIỂM TOÁN - TƯ VẤN ĐỊNH GIÁ ACC_VIỆT NAM
AUDITING - VALUATION CONSULTANCY ACC_VIETNAM COMPANY

Trụ sở chính / Head Office: 11/24 Đào Tấn - Ba Đình - Hà Nội
VPGD/Office: R402 - D11 - Sunrise Building - Trần Thái Tông - Cầu Giấy - Hà Nội
Điện thoại / Tel : (84-4) 3795 0839 - 2241 6223 * Fax : (84-4) 3795 0838
Email: info@acc-vietnam.com * Website: http://www.acc-vietnam.com

Số: **6913** /BCKT - ACC_Vietnam

Hà Nội, ngày **06** tháng **06** năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012*

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM**

Chúng tôi, Công ty Kiểm toán - Tư vấn Định giá ACC_Việt Nam (ACC - Vietnam) đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012 được lập ngày 06/06/2013 và được trình bày từ trang 06 đến trang 31 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được lập và trình bày theo các nguyên tắc Kế toán, Luật kế toán các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 02 và 03, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập, trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý và đảm bảo rằng Công ty tuân thủ đúng pháp luật và các quy định hiện hành, ngăn ngừa, phát hiện và xử lý những hành vi không tuân thủ pháp luật và các quy định trong Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến:

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán tuân theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và tiến hành kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh được trình bày trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời đánh giá các nguyên tắc kế toán được sử dụng và những ước tính trọng yếu của Ban Giám đốc cũng như đánh giá tổng quát tính đúng đắn về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Tuy nhiên, công việc kiểm toán của chúng tôi bị hạn chế bởi một số vấn đề sau

Tại ngày 31/12/2012 một số khoản công nợ phải thu khác chưa được đối chiếu đầy đủ, chúng tôi đã thực hiện kiểm toán bổ sung gửi thư xác nhận, tuy nhiên tới thời điểm kiểm toán chúng tôi chưa thu thập đầy đủ công nợ phải thu khác. Do đó, Chúng tôi không đưa ra ý kiến về các khoản mục này trên Báo cáo tài chính. Đồng thời, Công ty chưa thực hiện theo dõi trích lập đầy đủ các khoản công nợ phải thu khó đòi, theo ước tính của Kiểm toán viên số công nợ khó đòi của Công ty tại ngày 31/12/2012 là 1.476.794.790 VND.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng nếu có đến Báo cáo tài chính liên quan đến hạn chế ở trên, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam tại ngày 31/12/2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - TƯ VẤN ĐỊNH GIÁ ACC_VIỆT NAM



Nguyễn Văn Thành

Giám đốc

Chứng chỉ KTV số: 0814/KTV

Lưu ý:

Tại ngày 31/12/2012, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng đầu tư vào Công ty cổ phần Nhựa Youl Chon Vina theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009, theo ước tính Kiểm toán viên số cần trích lập đối với Công ty Cổ phần Nhựa Youl Chon Vina là 28.478.488.536 VND. Tuy nhiên, căn cứ Công văn số 4458/BCT-CNN ngày 25/ 05/ 2012 của Bộ Công thương về việc "Xin chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Nhựa Youl Chon Vina" trả lời Công văn số 206/BPĐDCSHVNN ngày 21/05/2012 của Bộ phận đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam giá chuyển nhượng phần vốn nói trên không dưới 2.700.000 USD cộng với lãi suất ngân hàng bình quân hiện hành (Hiện giá trị vốn góp của Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam tại Công ty cổ phần Nhựa Youl Chon Vina là: 43.008.000.000 VND). Căn cứ Công văn số 46-2012/CV-YCVN-HĐQT ngày 30/05/2012 của Công ty Cổ phần Nhựa Youl Chon Vina trả lời Công văn số 220/CV-NVN-TCKT của Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam về việc "Đề nghị chuyển nhượng vốn" thì Công ty TNHH Hóa chất Youl Chon (Cổ đông chi phối của Công ty Cổ phần Nhựa Youl Chon Vina) đã chính thức đề nghị mua lại toàn bộ 4.300.800 cổ phần của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam với mức giá theo hướng dẫn tại Công văn 4458/BCT-CNN ngày 25/05/2012 của Bộ Công thương. Tuy nhiên, trong năm 2013 Công ty TNHH Hóa chất Youl Chon có gửi Công văn số YCC - Overseas - 201212 - 001 ngày 24/12/2012 xin kéo dài thời gian việc chuyển nhượng trên do suy giảm hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh để các bên thảo luận thêm. Theo đó, hiện Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhựa Youl Chon Vina.

Theo Công văn số: 510/CV-TL ngày 05/10/2012 về việc Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long xin rút một phần vốn góp khỏi Dự án xây dựng "Trụ sở, văn phòng trưng bày sản phẩm, nhà để xe và nhà ở để bán cán bộ công nhân viên" tại 360 Giải Phóng, Hà Nội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01.bx/HTĐT-KDBĐS (HĐ-BCC) ngày 21/01/2009 với số tiền 21.000.000.000 VND tương đương với 29%. Đồng thời, Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam đã gửi Công văn số: 467/CV-NVN-TCKT ngày 06/12/2012 xin góp vốn vào dự án trên bằng số tiền: 21.000.000.000 VND và đã có được sự thống nhất giữa của các bên góp vốn tại dự án này. Hiện Công ty và các đối tác đang thực hiện hoàn thiện các thủ tục hồ sơ cần thiết để thay đổi thông tin các bên góp vốn trên giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của dự án này.

Trương Khắc Tâm

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số: 0514/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B01-DN

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2012	01/01/2012
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		181.032.249.705	240.582.582.844
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	03	24.921.575.981	14.822.810.646
1	Tiền	111		12.473.425.981	14.822.810.646
2	Các khoản tương đương tiền	112		12.448.150.000	-
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		145.646.438.149	174.583.071.013
1	Phải thu khách hàng	131		121.191.660.507	152.950.170.045
2	Trả trước cho người bán	132		1.682.550.002	4.116.722.280
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch HDXD	134		-	-
5	Các khoản phải thu khác	135	04	23.156.832.942	17.900.783.990
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(384.605.302)	(384.605.302)
IV	Hàng tồn kho	140		4.665.012.486	39.774.779.796
1	Hàng tồn kho	141	05	4.665.012.486	39.774.779.796
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		5.799.223.089	11.401.921.389
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	06	99.959.593	391.682.518
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.465.344.682	6.140.359.789
3	Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	07	48.820.877	86.345.877
4	Tài sản ngắn hạn khác	158	08	3.185.097.937	4.783.533.205
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		374.292.372.246	316.215.716.034
I	Tài sản cố định	220		90.075.090.477	107.416.868.983
1	Tài sản cố định hữu hình	221	09	89.504.390.781	98.130.890.688
	- Nguyên giá	222		143.641.317.916	142.615.054.934
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(54.136.927.135)	(44.484.164.246)
2	Tài sản cố định vô hình	227	10	557.063.333	9.272.341.932
	- Nguyên giá	228		2.989.290.120	11.560.690.711
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.432.226.787)	(2.288.348.779)
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		13.636.363	13.636.363
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		283.634.240.312	207.394.322.979
1	Đầu tư vào công ty con	251	11	68.341.463.867	39.336.263.867
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	12	215.319.140.594	168.140.880.594
3	Đầu tư dài hạn khác	258	13	306.300.000	58.540.000
4	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(332.664.149)	(141.361.482)
V	Tài sản dài hạn khác	260		583.041.457	1.404.524.072
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	14	583.041.457	1.404.524.072
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		555.324.621.951	556.798.298.878

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 31 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012
(Tiếp theo)

Mẫu số B01-DN
Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2012	01/01/2012
A	NỢ PHẢI TRẢ	300		362.351.212.660	367.215.498.881
I	Nợ ngắn hạn	310		265.751.305.839	259.171.055.670
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	15	153.329.647.732	161.074.743.681
2	Phải trả người bán	312		74.117.088.344	66.325.889.938
3	Người mua trả tiền trước	313		770.400.668	2.277.288.766
4	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	16	10.556.879.524	10.293.557.202
5	Phải trả người lao động	315		1.898.495.837	735.092.047
6	Chi phí phải trả	316		1.761.686.035	144.654.611
7	Phải trả nội bộ	317		-	-
8	Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318		-	-
9	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	23.317.107.699	18.319.829.425
10	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11	Quĩ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
II	Nợ dài hạn	330		96.599.906.821	108.044.443.211
1	Phải trả dài hạn người bán	331	18	18.602.255.625	18.602.255.625
2	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4	Vay và nợ dài hạn	334	19	77.997.651.196	89.435.078.050
5	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	7.109.536
7	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		192.973.409.291	189.582.799.997
I	Vốn chủ sở hữu	410	20	192.362.409.291	189.472.263.961
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		194.289.130.000	194.289.132.796
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4	Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(2.403.184.932)	(5.221.218.171)
7	Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8	Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		476.464.223	404.349.336
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		611.000.000	110.536.036
1	Nguồn kinh phí	432		611.000.000	110.536.036
2	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		555.324.621.951	556.798.298.878

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu số B01-DN

STT	Chỉ tiêu	Mã số	ĐVT	31/12/2012	01/01/2012
1	Tài sản thuê ngoài	001	VND	-	-
2	Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công	002	VND	-	-
3	Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi	003	VND	-	-
4	Nợ khó đòi đã xử lý	004	VND	-	-
5	Ngoại tệ các loại	007	USD	781,3	33.981,65
6	Dự toán chi hoạt động	008	VND	-	-

Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 06 năm 2013

Người lập

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc

Trần Thị Phụng

Phan Trung Nam

Nguyễn Khắc Long



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2012

Mẫu số B02-DN
Đơn vị tính: VND

Số TT	Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm 2012	Năm 2011
	1	2	3	4	5
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	21	907.332.526.275	740.144.868.879
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2	22	3.889.272.151	3.391.499.902
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	23	903.443.254.124	736.753.368.977
4	Giá vốn hàng bán	11	24	877.434.008.740	698.966.816.659
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26.009.245.384	37.786.552.318
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	40.675.573.916	28.132.779.662
7	Chi phí tài chính	22	26	41.550.896.104	37.938.962.040
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		33.044.992.546	31.336.592.695
8	Chi phí bán hàng	24		11.250.894.724	9.477.118.882
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		18.346.006.312	18.897.916.788
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(4.462.977.840)	(394.665.730)
11	Thu nhập khác	31	27	14.638.015.106	5.112.288.524
12	Chi phí khác	32	28	371.971.018	2.230.284.625
13	Lợi nhuận khác	40		14.266.044.088	2.882.003.899
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.803.066.248	2.487.338.169
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	-	157.965.561
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.803.066.248	2.329.372.608
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	30	505	118

Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 06 năm 2013

Người lập

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc

Trần Thị Phụng

Phan Trung Nam

Nguyễn Khắc Long



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2012
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mẫu số B03-DN

Đơn vị tính: VND

Số TT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	976.483.545.335	780.888.489.023
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	(849.235.400.945)	(621.077.974.577)
3	Tiền chi trả cho người lao động	3	(8.991.800.658)	(7.905.548.249)
4	Tiền chi trả lãi vay	4	(32.668.728.245)	(31.752.649.112)
5	Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	5	(157.965.561)	(597.200.610)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	12.742.578.374	27.755.009.910
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(42.758.615.107)	(147.080.569.501)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	55.413.613.193	229.556.884
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1	Tiền chi để mua sắm xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(146.442.000)
2	Tiền thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(630.000.000)	(20.710.000.000)
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.252.240.000	22.046.498.356
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(24.244.000.000)	(8.760.140.508)
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.872.012.645	13.601.526.869
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(17.749.747.355)	6.031.442.717
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	405.000.000
2	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(405.000.000)
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	451.315.243.620	578.399.219.046
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(475.813.697.321)	(596.192.343.801)
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.065.950.000)	(3.594.773.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(27.564.403.701)	(21.387.897.755)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	10.099.462.137	(15.126.898.154)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	14.822.137.446	29.961.876.263
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(23.602)	(12.167.463)
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	24.921.575.981	14.822.810.646

Người lập

Phụ trách kế toán

Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 06 năm 2013

Tổng Giám đốc

Trần Thị Phụng

Phan Trung Nam

Nguyễn Khắc Long



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 31 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được chuyển đổi hình thức sở hữu vốn từ doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Nhựa Việt Nam, (số Đăng ký kinh doanh 4106000201 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/06/2006) theo Quyết định số 2575/QĐ-BCN ngày 26 tháng 7 năm 2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Nhựa Việt Nam thành Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam và Quyết định số 4824/QĐ-BCT ngày 4 tháng 9 năm 2008 của Bộ Công thương sửa đổi khoản 1 Điều 1 Quyết định số 2575/QĐ-BCN.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 41003011383 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 9 năm 2008. Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 08 tháng 9 năm 2010 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số doanh nghiệp 0300381966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp.

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM
Tên giao dịch của công ty: VIETNAM PLASTIC CORPORATION
Tên viết tắt: VINAPLAST
Trụ sở chính tại: Số 300B Nguyễn Tất Thành, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh
Vốn điều lệ: 198.000.000.000 VND (Một trăm chín mươi tám tỷ đồng chẵn)

Hoạt động kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300381966 đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 08 tháng 9 năm 2010, Công ty hoạt động trong các lĩnh vực sau:

- Sản xuất, mua bán các sản phẩm từ nhựa, gỗ, giấy phục vụ cho các ngành công, nông, ngư nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, bưu chính viễn thông, thiết bị giáo dục, văn hoá phẩm (không mua bán băng đĩa nhạc, hình và sản xuất tại trụ sở Công ty);
- Chế tạo khuôn mẫu, thiết bị và phụ tùng ngành nhựa;
- In ấn trên bao bì nhựa, gỗ, giấy (không hoạt động tại trụ sở);
- Tái chế phế liệu nhựa, gỗ (không hoạt động tại trụ sở);
- Mua bán các loại nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, vật tư ngành công, nông, ngư nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, bưu chính viễn thông, thiết bị giáo dục, văn hóa phẩm;
- Đại lý ký gửi hàng hóa;
- Tổ chức hội chợ, triển lãm, kinh doanh dịch vụ quảng cáo, cho thuê bãi đậu xe;
- Kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp;
- Dịch vụ tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính chính, kế toán), nghiên cứu đào tạo, chuyển giao công nghệ mới;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại./.

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 và đến ngày lập Báo cáo tài chính bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Khắc Long	Chủ tịch
Ông Lê Hoàng	Thành viên
Ông Đào Duy Kha	Thành viên
Bà Cán Thị Thu Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Nhựt	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Khắc Long	Tổng Giám đốc
Ông Lê Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Duy Kha	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Cao Minh Tâm	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Thơm	Thành viên
Bà Lê Thị Kim Phượng	Thành viên

2. NHỮNG ĐIỂM QUAN TRỌNG TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

a) Kỳ, hình thức kế toán và cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định về kế toán hiện hành tại Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ

Năm tài chính kế toán: Từ ngày 01/01 đến 31/12 năm dương lịch.

b) Áp dụng chế độ kế toán.

Công ty thực hiện công tác kế toán theo Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 “Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006”.

c) Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp tính giá hàng tồn kho là thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hoá tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho”.

e) Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá và khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do mua mới bao gồm giá mua và toàn bộ chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh, chi phí lắp đặt, chạy thử và các chi phí khác có liên quan.

Đối với các tài sản cố định được bàn giao từ đầu tư xây dựng trong năm hoàn thành nhưng chưa được phê duyệt quyết toán, giá trị ghi tăng nguyên giá tài sản cố định là chi phí thực hiện đầu tư tính đến thời điểm bàn giao.

Khi quyết toán công trình được duyệt, nguyên giá tài sản cố định sẽ được điều chỉnh theo giá trị quyết toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với tỷ lệ khấu hao theo quy định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

Tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải	05 - 08
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Tài sản khác	03 - 08

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất và phần mềm máy vi tính được khấu hao từ 7 năm đến 45 năm.

f) Đầu tư vào Công ty con

Công ty con là một doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của một doanh nghiệp khác (Công ty mẹ). Quyền kiểm soát của Công ty mẹ đối với Công ty con được xác định khi Công ty mẹ nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở Công ty con (Công ty mẹ có thể sở hữu trực tiếp Công ty con hoặc sở hữu gián tiếp Công ty con qua một Công ty con khác) trừ trường hợp đặc biệt khi xác định rõ là quyền sở hữu không gắn liền với quyền kiểm soát. Trong các trường hợp sau đây, quyền kiểm soát cũng được thực hiện ngay cả khi Công ty mẹ nắm giữ ít hơn 50% quyền biểu quyết tại Công ty con: (a) Các nhà đầu tư khác thoả thuận dành cho Công ty mẹ hơn 50% quyền biểu quyết; (b) Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động theo quy chế thoả thuận; (c) Công ty mẹ có quyền bổ nhiệm hoặc bãi miễn đa số các thành viên Hội đồng Thành viên hoặc cấp quản lý tương đương; (d) Công ty mẹ có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng Thành viên hoặc cấp quản lý tương đương.

g) Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một Công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

h) Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thoả thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các thoả thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua Công ty con.

i) Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

(b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán hàng của Công ty chủ yếu là doanh thu từ hoạt động kinh doanh các sản phẩm về nhựa, doanh thu dịch vụ chủ yếu từ hoạt động cho thuê tài sản nhà của, máy móc thiết bị.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Trong năm Công ty đã ghi nhận 3.763.939.194 VND doanh thu thuê nhà cho Công ty Tài Tâm theo hướng dẫn của Thông tư số 123/2012/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008, nghị định số 122/2011/NĐ-CP ngày 27/12/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

j) Thuế

Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế giá trị gia tăng đầu ra đối với các sản phẩm về nhựa là 10%. Các khoản thuế và lệ phí khác phải nộp theo quy định hiện hành và sẽ được tất toán khi cơ quan thuế và các cơ quan có thẩm quyền thực hiện kiểm tra quyết toán.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế, phí và lệ phí khác được tính và nộp theo quy định hiện hành của Nhà nước.

k) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

l) Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập vào thời điểm cuối năm tài chính cho những khoản công nợ phải thu đã quá hạn thanh toán trên 06 tháng hoặc khách hàng đang trong thời gian xem xét giải thể, phá sản, truy tố hoặc gặp các khó khăn tương tự khác phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/T - BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp".

m) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí về đầu tư xây dựng cơ bản (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư xây dựng cơ bản sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

n) Chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam trong năm 2012 theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Số dư các khoản mục tiền tệ gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính kế toán được đánh giá lại tỷ giá theo hướng dẫn tại thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp.

Số dư chênh lệch tỷ giá do đánh giá các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ kết thúc báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2011 được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15/10/2009. Một số khoản phải trả bằng ngoại tệ Công ty chưa thực hiện đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối kỳ.

o) Chi phí đi vay

Lãi tiền vay của khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng. Các khoản thu nhập từ phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố định có liên quan.

Lãi tiền vay trong các trường hợp khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh chi phí.

p) Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
1. Tiền mặt	786.168.454	3.214.810.855
2. Tiền gửi Ngân hàng	11.687.257.527	11.607.999.791
<i>Tiền VND gửi ngân hàng</i>	<i>11.670.993.185</i>	<i>10.900.229.984</i>
<i>Ngân hàng Ngoại Thương CN Hoàn Kiếm</i>	<i>1.583.779</i>	<i>1.679.443</i>
<i>Ngân hàng NN & PTNT CN Bách Khoa</i>	<i>-</i>	<i>25.405.771</i>
<i>Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam CN Hà Nội</i>	<i>10.303.478</i>	<i>181.661.904</i>
<i>Ngân hàng ACB- Chi nhánh Bình Tây</i>	<i>1.530.985.050</i>	<i>6.834.997.683</i>
<i>Công Ty CP Chứng Khoán Bảo Việt</i>	<i>1.111.034.693</i>	<i>639.445.117</i>
<i>Ngân hàng NN & PTNT CN Hiệp Phước</i>	<i>-</i>	<i>41.849.859</i>
<i>Ngân hàng NN & PTNT Chợ Lớn-PGD Trần Hưng Đạo</i>	<i>8.709.685.123</i>	<i>2.620.834.901</i>
<i>Ngân hàng Nông Nghiệp TP.HCM</i>	<i>45.989.343</i>	<i>21.483.949</i>
<i>Ngân hàng NN & PTNT CN Trảng Tiền</i>	<i>1.075.042</i>	<i>4.292.092</i>
<i>Ngân hàng Phát Triển Việt Nam</i>	<i>25.963.666</i>	<i>11.358.212</i>
<i>Ngân hàng TMCP VN Thương Tín-PGD Điện Biên Phủ</i>	<i>1.420.945</i>	<i>312.436.987</i>
<i>Kho Bạc Nhà Nước</i>	<i>1.691.135</i>	<i>25.411.135</i>
<i>Ngân hàng TMCP Quân Đội-PGD Bến Thành</i>	<i>10.767.975</i>	<i>10.924.136</i>
<i>Ngân hàng Phương Đông (OCB)-Chi nhánh Chợ Lớn</i>	<i>162.085.282</i>	<i>167.359.463</i>
<i>Ngân hàng TECHCOMBANK</i>	<i>612.929</i>	<i>1.089.332</i>
<i>Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Sài Gòn</i>	<i>57.794.745</i>	<i>-</i>
<i>Tiền ngoại tệ gửi ngân hàng(USD)</i>	<i>16.264.342</i>	<i>707.769.807</i>
<i>Ngân hàng TMCP ACB</i>	<i>6.369.584</i>	<i>7.990.454</i>
<i>Ngân hàng NN & PTNT CN Sài Gòn</i>	<i>7.786.964</i>	<i>696.716.595</i>
<i>Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín</i>	<i>2.107.794</i>	<i>2.522.063</i>
<i>Ngân hàng NN & PTNT CN Hiệp Phước</i>	<i>-</i>	<i>540.695</i>
3. Các khoản tương đương tiền	12.448.150.000	-
<i>Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng BIDV Việt Nam (*)</i>	<i>12.448.150.000</i>	<i>-</i>
Cộng	24.921.575.981	14.822.810.646

(*) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 989/2012/HĐTG ký ngày 18 tháng 07 năm 2012 giữa Ngân hàng BIDV CN Sài Gòn và Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam.
Kỳ hạn: 1 tháng. Lãi suất: 9%/năm.

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú	1.153.620.000	-
Công ty Cổ phần Nhựa Bắc Giang	402.749.010	183.209.010
Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem	9.250.379.231	3.032.389.886
Bộ tài chính (Tiền bán cổ phần lần đầu)	-	10.113.625.000
Công ty Liên doanh TPC Vina	10.189.874.504	1.216.139.504
Công ty cổ phần Nhựa Việt Phước	1.114.924.500	1.000.000.000
Các đối tượng khác	1.045.285.697	2.355.420.590
Cộng	23.156.832.942	17.900.783.990

5. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	327.616.649	7.493.463.427
Nguyên liệu, vật liệu	279.983.281	267.217.348
Công cụ, dụng cụ	26.120.796	12.775.068
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	206.140.709	1.230.671.542
Thành phẩm	886.496.983	818.118.248
Hàng hóa	2.918.204.984	29.952.534.163
Hàng gửi bán	20.449.084	
Cộng	4.665.012.486	39.774.779.796

* Công ty chưa ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho để có cơ sở phản ánh giá trị hàng tồn kho cuối kỳ theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02: "Hàng tồn kho"

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phí sửa chữa VP 320 Bến Vân Đồn	-	85.517.932
Lệ phí trước bạ nhà đất 39 Ngô Quyền	-	153.692.126
Chi phí thông tin về ngành nhựa	93.610.200	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	6.349.393	152.472.460
Cộng	99.959.593	391.682.518

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	1.584.945	1.584.945
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	47.235.932	84.735.932
Các khoản khác phải thu Nhà nước	-	25.000
Cộng	48.820.877	86.345.877

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	34.548.129	32.410.206
Tạm ứng	2.134.041.326	2.318.047.068
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	1.016.508.482	2.433.075.931
Cộng	3.185.097.937	4.783.533.205

(*) Bao gồm 3 khoản ký quỹ: 17,817 USD cho khoản mở LC144038 (Nhà cung cấp Lotte)
22,572 USD cho khoản mở LC143356 (Nhà cung cấp PTT)
8,481 USD cho khoản mở LC145036 (Nhà cung cấp Jambo)

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
					Cộng
Nguyên giá					
Tại 01/01/2012	35.667.186.393	103.031.021.529	2.654.060.966	1.262.786.046	142.615.054.934
Tăng trong năm					
Mua trong năm	-	33.171.818	-	409.204.891	442.376.709
Đầu tư XD CB hoàn thành	866.318.027	-	-	-	866.318.027
Tăng khác	51.485.326	-	-	-	51.485.326
Phân loại lại TSCĐ	11.300.000	11.300.000	-	257.262.725	279.862.725
Giảm trong năm					
Giảm khác	-	-	-	-	-
Phân loại lại TSCĐ	11.300.000	589.011.233	13.468.572	-	613.779.805
Tại 31/12/2012	36.584.989.746	102.486.482.114	2.640.592.394	1.929.253.662	143.641.317.916
Giá trị hao mòn					
Tại 01/01/2012	4.260.132.886	37.254.772.001	2.047.524.286	921.735.073	44.484.164.246
Tăng trong năm					
Khấu hao trong năm	1.474.685.198	8.645.483.599	305.047.627	202.661.118	10.627.877.542
Tăng khác	-	-	-	-	-
Phân loại lại TSCĐ	722.878.556	53.549.030	301.280.366	3.963.294	1.081.671.246
Giảm trong năm					
Giảm khác	-	210.375.606	1.472.728	-	211.848.334
Phân loại lại TSCĐ	1.069.155.978	90.653.232	685.128.355	-	1.844.937.565
Tại 31/12/2012	5.388.540.662	45.652.775.792	1.967.251.196	1.128.359.485	54.136.927.135
Giá trị còn lại					
Tại 01/01/2012	31.407.053.507	65.776.249.528	606.536.680	341.050.973	98.130.890.688
Tại 31/12/2012	31.196.449.084	56.833.706.322	673.341.198	800.894.177	89.504.390.781

(*) Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.284.327.337 VND;

(**) Giá trị còn lại của tài sản cố định đem cầm cố thế chấp: 86.749.267.735 VND;

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá	11.218.360.591	342.330.120	11.560.690.711
Tại 01/01/2012	-	-	-
Tăng trong năm	-	-	-
Mua trong năm	-	-	-
Tăng khác	-	-	-
Giảm trong năm	8.571.400.591	-	8.571.400.591
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	8.571.400.591	-	8.571.400.591
Tại 31/12/2012	2.646.960.000	342.330.120	2.989.290.120
<u>Giá trị hao mòn</u>			
Tại 01/01/2012	2.234.119.246	54.229.533	2.288.348.779
Tăng trong năm	1.059.620.287	37.999.608	1.097.619.895
Khấu hao trong năm	1.059.620.287	37.999.608	1.097.619.895
Tăng khác	-	-	-
Giảm trong năm	953.741.887	-	953.741.887
Thanh lý nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	953.741.887	-	953.741.887
Tại 31/12/2012	2.339.997.646	92.229.141	2.432.226.787
<u>Giá trị còn lại</u>			
Tại 01/01/2012	8.984.241.345	288.100.587	9.272.341.932
Tại 31/12/2012	306.962.354	250.100.979	557.063.333

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long	19.290.924.596	5.290.924.596
Công ty Cổ phần Nhựa Bắc Giang	1.746.849.271	1.746.849.271
Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước	27.303.690.000	22.298.490.000
Công ty TNHH MTV TM và DV Nhựa Trường An	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH TM & DV Nhựa Việt Nam	10.000.000.000	-
Công Ty TNHH MTV TM và DV Nhựa Số Một	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	68.341.463.867	39.336.263.867

Thông tin chi tiết đầu tư Công ty con

Tên đối tượng	Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh	Giá trị vốn góp theo mệnh giá	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị vốn góp theo sổ sách
Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long	45.000.000.000	18.866.200.000	41,92%	19.290.924.596
Công ty Cổ phần Nhựa Bắc Giang	2.400.000.000	1.224.000.000	51%	1.746.849.271
Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước	27.412.200.000	27.303.690.000	99,6%	27.303.690.000
Công ty TNHH MTV TM và DV Nhựa Trường An	5.000.000.000	5.000.000.000	100%	5.000.000.000
Công Ty TNHH MTV TM và DV Nhựa Số Một	5.000.000.000	5.000.000.000	100%	5.000.000.000
Công ty TNHH TM&DV Nhựa Việt Nam	10.000.000.000	10.000.000.000	100%	10.000.000.000
Cộng	115.812.200.000	67.393.890.000		68.341.463.867

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty Liên doanh Việt Thái Plastchem	15.279.075.966	15.279.075.966
Công ty Liên doanh TPC Vina	89.705.850.000	89.705.850.000
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn	34.253.714.628	8.075.454.628
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú	11.092.500.000	11.092.500.000
Công ty Cổ phần Youl Chon Vina	43.008.000.000	43.008.000.000
Công ty CP SX TMDV Nhựa Mộc Nghệ An	980.000.000	980.000.000
Đầu tư liên doanh liên kết khác (*)	21.000.000.000	-
Cộng	215.319.140.594	168.140.880.594

* Theo Công văn số: 510/CV-TL ngày 05/10/2012 về việc Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long xin rút một phần vốn góp khỏi Dự án xây dựng "Trụ sở, văn phòng trưng bày sản phẩm, nhà để xe và nhà ở để bán cán bộ công nhân viên" tại 360 Giải Phóng, Hà Nội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01.bx/HTĐT-KDBDS (HD-BCC) ngày 21/01/2009 với số tiền 21.000.000.000 VND tương đương với 29%, Đồng thời, Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam đã gửi Công văn số: 467/CV-NVN-TCKT ngày 06/12/2012 xin góp vốn vào dự án trên bằng số tiền: 21.000.000.000VND và đã có được sự thống nhất giữa của các bên góp vốn tại dự án này. Hiện Công ty và các bên đối tác đang hoàn thiện các thủ tục hồ sơ cần thiết để thay đổi thông tin các bên góp vốn trên giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của dự án này. (Số phần vốn góp của Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long đã góp sẽ được Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam thanh toán bằng đối trừ công nợ giữa hai Công ty).

Thông tin chi tiết đầu tư liên doanh, liên kết

Tên đối tượng	Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh	Giá trị vốn góp theo mệnh giá	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị vốn góp theo sổ sách
Công ty Liên doanh Việt Thái Plastchem	44.279.528.000	12.183.728.041	27,51%	15.279.075.966
Công ty Liên doanh TPC Vina	598.039.000.000	89.705.850.000	15,00%	89.705.850.000
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn	81.000.000.000	33.695.060.000	41,60%	34.253.714.628
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú	40.000.000.000	8.874.000.000	22,19%	11.092.500.000
Công ty Cổ phần Youl Chon Vina	143.360.000.000	43.008.000.000	30,00%	43.008.000.000
Công ty CP SX TMDV Nhựa Mộc Nghệ An	2.000.000.000	980.000.000	49,00%	980.000.000
Góp vốn vào Dự án xây dựng tại 360 Giải Phóng			29,00%	21.000.000.000
Cộng	908.678.528.000	188.446.638.041		215.319.140.594

13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Cao Duy Vương	-	6.640.000
MSCĐ 239 - Vũ Thị Ngọc Lan	-	23.000.000
MSCĐ 319 - Nguyễn Quốc Nhựt	300.000.000	-
MSCĐ 345 - Lê Thị Kim Phụng	6.300.000	12.500.000
Phạm Bá Nguyên	-	16.400.000
Cộng	306.300.000	58.540.000

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	380.161.514	317.207.202
Chi phí trả trước dài hạn khác	202.879.943	1.087.316.870
Cộng	583.041.457	1.404.524.072

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
1. Vay ngắn hạn VND	120.680.374.656	135.321.224.115
Vay ngắn hạn NH ACB-CN Bình Tây	-	4.174.873.038
Vay ngắn hạn NH Agribank-CN Sài Gòn (1)	54.798.430.656	54.712.132.213
Vay ngắn hạn NH Vietbank-CN ĐBP (2)	45.081.944.000	73.577.760.000
Vay ngắn hạn BIDV - CN Sài Gòn (3)	20.800.000.000	-
Vay ngắn hạn NH OCB	-	2.856.458.864
2. Vay ngắn hạn Ngoại tệ (USD)	3.989.028.720	8.098.613.724
Vay ngắn hạn NH ACB-CN Bình Tây	-	3.852.586.402
Vay ngắn hạn Ngân hàng Vietbank (2)	3.989.028.720	4.246.027.322
3. Vay ngắn hạn đối tượng khác (4)	18.721.631.185	11.085.022.600
4. Nợ dài hạn đến hạn trả	9.938.613.171	6.569.883.242
Ngân Hàng ngoại tệ NH PT VN-SGD2	9.938.613.171	6.569.883.242
Cộng	153.329.647.732	161.074.743.681

(1) - Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn-CN Sài Gòn

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 6220LDS201200217 ngày 01/03/2012

Hạn mức tín dụng 55.000.000.000 đồng

Lãi suất 19%. Lãi suất thay đổi khi có thông báo thay đổi lãi suất do Ngân hàng cấp trên ban hành từng thời điểm

Mục đích sử dụng vay: Bổ sung vốn lưu động.

Bảo đảm tiền vay:

Tin chấp và một phần cho vay có bảo đảm bằng tài sản thực hiện theo Hợp đồng số 6220LCL201200 ngày 01/03/2012

(2) - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - CN Điện Biên Phủ

Hợp đồng tín dụng số PĐBP.DN.02250211 ngày 28/02/2011

Hạn mức : 100.000.000.000 đồng

Số dư nợ vay USD : 191.596 USD

Lãi suất: 20%-24% (vay VNĐ); 7%-8,5% (vay USD); Lãi suất vay được điều chỉnh 1 tháng/1 lần

Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh sản phẩm và nguyên vật liệu nhựa

Tài sản đảm bảo:

Bất động sản là nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ 300B Nguyễn Tất Thành, phường 14, quận 4, TP. HCM

Vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn

Vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần Nhựa Youl Chon Vina

Vốn góp của Công ty tại Công ty Liên doanh TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina

Bất động sản tọa lạc tại Lô K-3B-CN, KCN Mỹ Phước 2, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

(3)-Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển chi nhánh Sài Gòn

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 706/2012/HĐ ngày 11 tháng 06 năm 2012

Hạn mức: 50.000.000.000 VND

Mục đích: Bổ sung vốn lưu động

Thời hạn vay: Theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể

Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ

Tài sản đảm bảo: Tiền gửi tại BIDV Sài Gòn tương ứng với giá trị đảm bảo tối thiểu 60% dư nợ vay, bảo lãnh, phát hành L/C

Bên vay cam kết bổ sung thêm tài sản đảm bảo trong trường hợp chính sách khách hàng của Ngân hàng thay đổi và/hoặc tình hình sản xuất kinh doanh theo đánh giá của Ngân hàng có tình hướng xấu.(4) - Vay cán bộ công nhân viên trong Công ty. Thời hạn từ 1 đến 3 tháng. Lãi suất từ 15% đến 21%.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.340.991	159.306.552
Thuế thu nhập cá nhân	568.622.324	147.334.441
Các loại thuế khác (Gồm tiền sử dụng vốn liên quan đến cổ phần hóa và thuế khác)	9.986.916.209	9.986.916.209
Cộng	10.556.879.524	10.293.557.202

Công ty thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành về thuế. Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	89.784.087	236.958.420
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	8.746.910	5.726.709
Phải trả cổ tức - Quỹ hỗ trợ sắp xếp Doanh nghiệp BTC	20.879.143.040	14.481.971.900
Tiền đặt cọc mua màng BOPP - Công ty TNHH MTV	500.000.000	-
Thương mại & Dịch vụ Nhựa Vân Đồn	1.839.430.866	3.595.172.396
Phải trả cổ tức các cá nhân và doanh nghiệp	2.796	-
Phải trả khác		
Cộng	23.317.107.699	18.319.829.425

18. PHẢI TRẢ DÀI HẠN NGƯỜI BÁN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công ty SFECO (*)	18.602.255.625	18.602.255.625
Cộng	18.602.255.625	18.602.255.625

(*) Đây là số còn lại của Hiệp định vay vốn ưu đãi giữa Chính phủ Việt Nam đại diện là Bộ Tài Chính với Ngân hàng XNK Trung Quốc và Công ty SFECO ngày 31/05/2005 về việc thực hiện dự án xây dựng nhà máy sản xuất khuôn mẫu và trục in bằng nguồn vốn ODA với giá trị 49.010.105 CNY. Trong đó nợ SFECO đến 31/12/2012 theo nguyên tệ là 9.015.685,77 CNY. Khoản nợ phải trả đã được Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc trả cho Công ty SFECO. Tuy nhiên tính đến thời điểm 31/12/2012 Công ty vẫn chưa nhận được thông báo giải ngân của Ngân hàng VDB.

19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay dài hạn		
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN TP. HCM - SGD II (*)	77.997.651.196	89.435.078.050
Cộng	77.997.651.196	89.435.078.050

(*) Tính đến cuối ngày 31/12/2012 số nguyên tệ Công ty nợ ngân hàng phát triển Tp.HCM-SGD II là 33.995.256,35 CNY

Hợp đồng tín dụng vốn ODA số 01/2006/HĐTD-ODA-TDTWI

Dự án: Xây dựng nhà máy sản xuất khuôn mẫu và trục in

Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam

Nguồn vốn: Tín dụng ưu đãi của Trung Quốc

Đồng tiền cho vay, nhận nợ và trả nợ: Đồng Nhân dân tệ Trung Quốc

Tổng mức vốn cho vay: tối đa không quá 49.010.105 CNY

Mục đích sử dụng tiền vay: đầu tư dây chuyền thiết bị sản xuất khuôn mẫu có hiệu lực do Bộ Tài Chính thông báo

Lãi suất cho vay: 3,2% năm tính trên số dư nợ vay

Phí cho vay lại của Quỹ HTPT: 0,2%/năm tính trên số dư nợ vay (đã bao gồm trong mức lãi suất nêu tại điểm 1.5) và được trả cùng thời điểm thu lãi theo nguyên tắc thu đủ số phí phát sinh trong kỳ

Lãi phạt chậm trả: 150% lãi suất cho vay tính trên số nợ gốc(gốc, lãi, phí cho vay lại) chậm trả.

Thời hạn cho vay: 15 năm, trong đó có 5 năm ân hạn tính từ ngày Hiệp định có hiệu lực do Bộ tài chính thông báo

Kỳ hạn trả nợ: Bên vay phải trả nợ gốc, lãi, phí cho vay lại 6 (sáu) tháng một lần vào các ngày 10/3 và 10/9 hàng năm

Kỳ hạn trả nợ gốc đầu tiên bắt đầu vào kỳ thu nợ gần nhất kể từ sau khi kết thúc thời gian ân hạn.

Khoản tiền 9.015.785,77 CNY đã được thuyết minh trong thuyết minh số 18 trong báo cáo kiểm toán của CPA-Việt Nam năm 2010 đến nay vẫn chưa được Ngân hàng Phát triển chi nhánh HCM xác nhận.

Hiện Công ty đã gửi hồ sơ lên Ngân hàng Phát triển - CN HCM xin xác nhận tuy nhiên vẫn chưa được giải quyết.

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá hối đoái (*)	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
						Cộng
Số dư tại 01/01/2011	198.000.000.000	-	(250.623.390)	-	7.849.018.609	205.598.395.219
Tăng vốn trong kỳ trước	405.000.000	-	-	-	-	405.000.000
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	2.329.372.608	2.329.372.608
Tăng khác	-	-	3.034.488.478	-	3.722.420.800	6.756.909.278
Giảm vốn trong kỳ trước	(4.115.867.204)	-	-	-	-	(4.115.867.204)
Giảm khác	-	-	(8.005.083.259)	-	(13.496.462.681)	(21.501.545.940)
Số dư tại 31/12/2011	194.289.132.796	-	(5.221.218.171)	-	404.349.336	189.472.263.961
Số dư tại 01/01/2012	194.289.132.796	-	(5.221.218.171)	-	404.349.336	189.472.263.961
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	9.803.066.248	9.869.510.397
Tăng khác	-	-	6.417.366.135	-	157.141.054	6.574.507.189
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(9.714.456.640)	(9.714.456.640)
Giảm khác	(2.796)	-	(3.599.332.896)	-	(173.635.775)	(3.772.971.467)
Số dư tại 31/12/2012	194.289.130.000	-	(2.403.184.932)	-	476.464.223	192.362.409.291

(*) Tại ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2012 Công ty đã đánh giá chênh lệch tỷ giá các khoản mục tiền tệ có số dư ngoại tệ 3.558.727.617 VND, trong đó chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản vay dài hạn ODA 3.469.793.001 VND. Công ty đã thực hiện kết chuyển toàn bộ 3.558.727.617 VND chênh lệch tỷ giá năm 2012 vào chi phí tài chính trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh theo hướng dẫn tại thông tư số 179/2012/TT-BTC ban hành ngày 24/10/2012 về hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong Doanh nghiệp. Ngoài ra Công ty cũng kết chuyển 1 phần chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản vay ODA tại cuối năm 2011: 2.858.638.518 VND vào chi phí tài chính trong kỳ theo hướng dẫn của thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2012		01/01/2012	
	VND	Tỷ lệ sở hữu	VND	Tỷ lệ sở hữu
Vốn góp của Nhà nước	127.943.420.000	65,85%	127.943.422.796	65,85%
Các cổ đông khác	66.345.710.000	34,15%	66.345.710.000	34,15%
Cộng	194.289.130.000	100%	194.289.132.796	100%

c. Cổ phiếu

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.428.913	19.800.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	19.428.913	19.800.000
Cổ phiếu phổ thông	19.428.913	19.800.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.428.913	19.800.000
Cổ phiếu phổ thông	19.428.913	19.800.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu bán hàng	882.800.183.893	712.442.530.662
Doanh thu cung cấp dịch vụ	24.532.342.382	27.702.338.217
Cộng	907.332.526.275	740.144.868.879

22. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giảm giá hàng bán	3.441.344.915	804.487.626
Hàng bán bị trả lại	447.927.236	2.587.012.276
Cộng	3.889.272.151	3.391.499.902

23. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu bán hàng	882.800.183.893	712.442.530.662
Doanh thu cung cấp dịch vụ	24.532.342.382	27.702.338.217
Giảm giá hàng bán	(3.441.344.915)	(804.487.626)
Hàng bán bị trả lại	(447.927.236)	(2.587.012.276)
Cộng	903.443.254.124	736.753.368.977

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn của hàng đã bán hàng	868.791.276.604	667.119.726.253
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8.642.732.136	31.847.090.406
Cộng	877.434.008.740	698.966.816.659

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền cho vay, tiền gửi	1.668.946.245	2.091.899.912
Chênh lệch lãi tỷ giá phát sinh trong kỳ	134.115.287	568.394.598
Cổ tức và lợi nhuận được chia	20.620.344.302	4.555.504.886
Lãi bán hàng trả chậm	18.168.402.380	20.913.980.266
Doanh thu tài chính khác	83.765.702	3.000.000
Cộng	40.675.573.916	28.132.779.662

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chênh lệch lỗ tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.941.880.662	2.444.944.591
Chi phí lãi vay	33.044.992.546	31.336.592.695
Chênh lệch lỗ tỷ giá đánh giá lại khoản vay ODA	6.328.431.519	4.157.424.754
Hoàn nhập chi phí trích lập dự phòng	(141.361.482)	-
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	332.664.149	-
Chi phí tài chính khác	44.288.710	-
Cộng	41.550.896.104	37.938.962.040

27. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thanh lý tài sản cố định	-	2.697.196.539
Thu nhập tiêu thụ hàng xuất mẫu	25.824.589	-
Thu nhập từ bồi thường	26.170.898	-
Thu nhập chênh lệch đánh giá lại tài sản đem góp vốn (*)	14.321.801.296	2.415.091.985
Thu nhập khác	264.218.323	-
Cộng	14.638.015.106	5.112.288.524

* Đây là khoản chênh lệch từ việc đánh giá lại tài sản là quyền sử dụng đất Mỹ Phước đi góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn số 517BB/NVN/KHĐT ngày 31/12/2012 và Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước số 515BB/NVN/KHĐT ngày 31/12/2012. Hiện Công ty đang hoàn thiện thủ tục hồ sơ để chuyển quyền sử dụng đất Mỹ Phước cho các bên nhận góp vốn.

28. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Thanh lý tài sản cố định, công cụ	-	708.108.922
Chi phí thanh lý tài sản	-	1.356.495.685
Chi phí khác	371.971.018	165.680.018
Cộng	371.971.018	2.230.284.625

29. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	9.803.066.248	2.487.338.169
- Các khoản thu nhập điều chỉnh giảm	20.620.344.302	4.555.504.886
- Thu nhập từ cổ tức	20.620.344.302	4.555.504.886
Thu nhập chịu thuế	(10.817.278.054)	(2.068.166.717)
- Thu nhập từ kinh doanh bất động sản	-	631.862.244
Thuế suất thông thường	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập Doanh nghiệp hiện hành	-	157.965.561

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lợi nhuận hoặc lỗ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.803.066.248	2.329.372.608
Lãi suất phân chia cho cổ phiếu trong kỳ	-	-
Lợi tức cổ phiếu ưu đãi trong kỳ	-	-
Lợi tức cổ phiếu thường trong kỳ	-	-
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ	19.428.913	19.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	505	118

2. GIAO DỊCH VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

* Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Bên liên quan	Bản chất giao dịch	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát	Thù lao	328.800.000	327.540.000
Cộng		328.800.000	327.540.000

Giao dịch với các bên có liên quan

Giao dịch mua	Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Công ty CP Nhựa Thăng Long	Công ty con	Nhập mua hàng hóa, thuê nhà xưởng	1.693.990.221	1.876.879.705
Công ty CP Nhựa Bắc Giang	Công ty con	Mua hàng	2.075.133.653	67.482.455
Công ty TNHH Nhựa Trường An	Công ty con	Mua hàng	3.281.065.185	1.113.600.000
Công ty CP Nhựa Việt Phước	Công ty con	Mua hàng, phí đào tạo dạy nghề	-	3.276.553.200
Công ty TNHH MTV Nhựa số 1	Công ty con	Mua hàng, phí hoa hồng vận chuyển	327.209.793	4.284.817.679
Công ty TNHH TM&DV Nhựa Việt Nam	Công ty con	Phí tiếp nhận hàng hóa	73.189.441	
Công ty LD Việt Thái Plastchem	Công ty liên doanh	Mua hàng	44.000.000	92.295.940
Công ty LD TPC Vina	Công ty liên doanh	Mua hàng	22.011.000.000	60.208.720.000
Công ty CP Nhựa Vân Đồn	Công ty liên kết	Mua hàng, phí hoa hồng vận chuyển, phí điện nước, phí đào tạo dạy nghề	4.759.204.889	12.663.961.208
Công ty CP Youl Chon Vina	Công ty liên kết	Mua hàng, cản trừ công nợ, tiền lãi trả chậm	548.235.768.374	416.644.974.144
Cộng			582.500.561.556	500.229.284.331

Giao dịch bán	Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Công ty CP Nhựa Thăng Long	Công ty con	Bán hàng hóa, tiền lãi, bù trừ công nợ	13.773.267.852	19.379.860.907
Công ty CP Nhựa Bắc Giang	Công ty con	Thuê máy móc thiết bị từ nguồn vốn vay ODA, cổ tức được chia	2.777.907.734	417.242.100
Công ty CP Nhựa Việt Phước	Công ty con	Bán hàng hóa, tiền lãi, cổ tức được chia	4.358.360.203	4.754.594.909
Công ty TNHH MTV Nhựa Trường An	Công ty con	Bán hàng hóa	12.211.738.322	27.792.377.555
Công ty TNHH MTV Nhựa Số 1	Công ty con	Bán HH, cán trừ công nợ, tiền lãi trả chậm	50.511.911.818	66.255.934.455
Công ty LD Việt Thái Plastchem	Công ty liên doanh	Bán hàng hóa, cổ tức được chia	18.189.629.265	-
Công ty CP Nhựa Vân Đồn	Công ty liên kết	Bán hàng hóa, tiền lãi	188.081.628.543	170.419.263.061
Công ty CP Nhựa Tân Phú	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	3.104.489.151	1.651.670.518
Công ty CP Youl Chon Vina	Công ty liên kết	Bán hàng hóa, cán trừ công nợ	397.655.663.176	54.609.230.000
Công ty TNHH TM&DV Nhựa Việt Nam	Công ty con	Bán hàng hóa dịch vụ trong kỳ	77.040.635.274	
Công ty TNHH Nhựa & Hóa chất TPC VINA	Công ty liên doanh	Tiền cổ tức được chia	8.151.000.000	
Công ty CP SX-TM-DV Nhựa Mộc Nghệ An	Công ty liên kết	Chuyển nhượng nhà xưởng, Bàn giao công nợ, bàn giao tiền	-	3.340.837.468
Cộng			775.856.231.338	348.621.010.973

* Số dư với các bên liên quan

Phải thu khách hàng	Mối quan hệ	31/12/2012 VND
Công ty CP Nhựa Thăng Long	Công ty con	22.045.468.438
Công ty CP Nhựa Bắc Giang	Công ty con	705.150.704
Công ty CP Nhựa Việt Phước	Công ty con	5.000.000.000
Công ty TNHH MTV Nhựa Trường An	Công ty con	443.178.177
Công ty TNHH MTV Nhựa Số Một	Công ty con	9.720.949.600
Công ty LD Việt Thái Plastchem	Công ty liên doanh	975.962.314
Công ty CP Nhựa Vân Đồn	Công ty liên kết	58.425.629.519
Công ty CP Nhựa Tân Phú	Công ty liên kết	2.982.763.247
Công ty CP SX-TM-DV Nhựa Mộc Nghệ An	Công ty liên kết	97.036.843
Công ty TNHH TM&DV Nhựa Việt Nam	Công ty con	587.824.512
Khách hàng ứng tiền trước		
Công ty CP Nhựa Bắc Giang	Công ty con	13.591.506
Phải thu khác		
Công ty TNHH LD Việt Thái PlastChem	Công ty liên doanh	9.250.379.231
Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC VINA	Công ty liên doanh	10.786.634.504
Công ty CP Nhựa Bắc Giang	Công ty con	402.749.010
Công ty CP Nhựa Thăng Long	Công ty con	243.310.000
Công ty CP Nhựa Tân Phú	Công ty liên kết	1.153.620.000
Công ty CP Nhựa Việt Phước	Công ty con	1.114.924.500
Công ty TNHH TM&DV Nhựa Việt Nam	Công ty con	130.000.000
Cộng		124.079.172.105

Phải trả nhà cung cấp	Mối quan hệ	31/12/2012 VND
Công ty CP Nhựa Thăng Long	Công ty con	1.003.200.000
Công ty TNHH TM&DV Nhựa Việt Nam	Công ty con	51.920.000
Công ty CP Yout Chon Vina	Công ty liên kết	69.257.106.965
Phải trả khác		
Công ty CP Nhựa Vân Đồn	Công ty liên kết	70.500.000
Cộng		70.382.726.965

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu năm Báo cáo tài chính năm 2011 được trình bày cho mục đích so sánh đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập.

Người lập

Phụ trách kế toán

Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 06 năm 2013
Tổng Giám đốc

Trần Thị Phụng

Phan Trung Nam

Nguyễn Khắc Long

